

Số: 38/2022/BC-CT6

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO
Thường niên năm 2021

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà số 6 Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0100383878 thay đổi lần 10 do Phòng Đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch Đầu tư cấp ngày 17/09/2020.
- Vốn điều lệ: 144.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Địa chỉ: Tầng 6A, tòa nhà Diamond Flower Tower, 48 đường Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
- Số điện thoại: 04.62591706
- Website: Handico6.com.vn
- Mã cổ phiếu: HD6
- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà số 6 Hà Nội tiền thân là Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà số 6 Hà Nội thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo quyết định 994/QĐ-UB ngày 25/02/2005 của UBND Thành phố Hà Nội.

2. Ngành nghề kinh doanh:

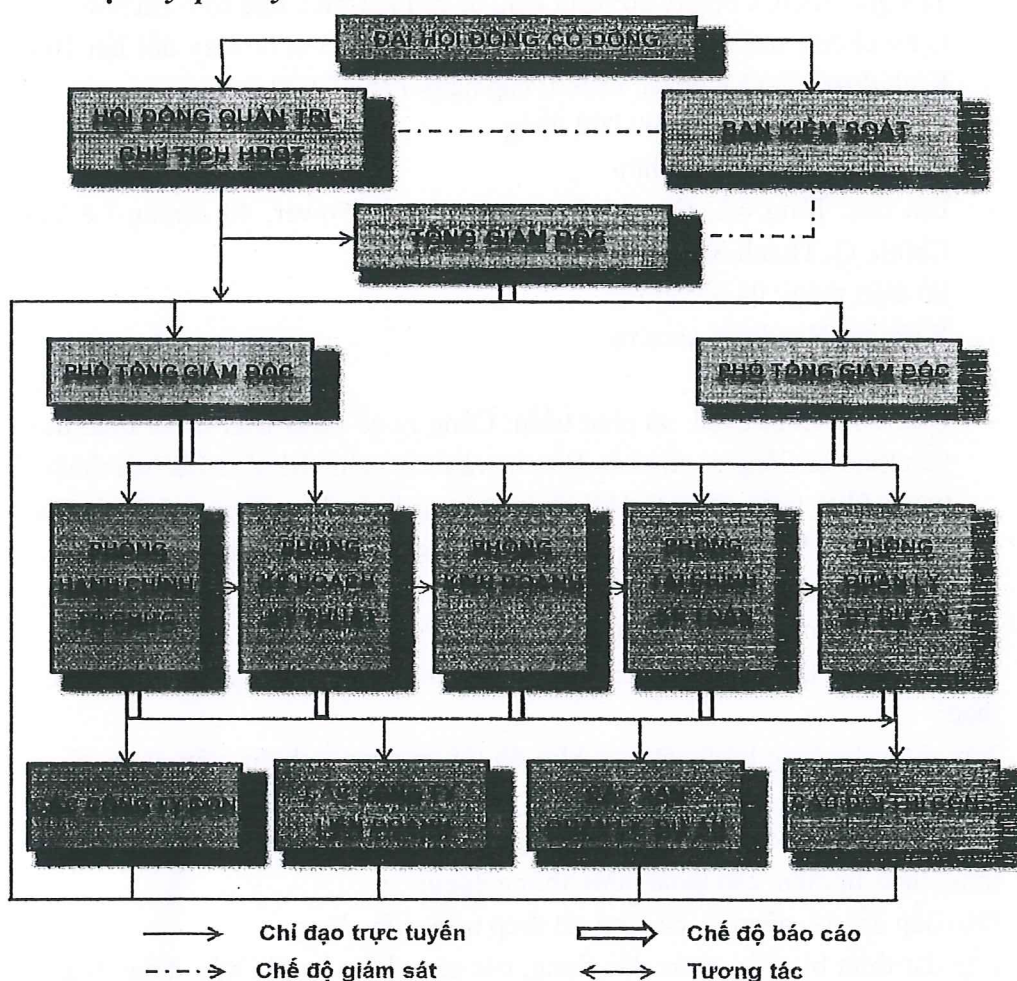
- Đầu tư xây dựng kinh doanh phát triển nhà;
- Xây dựng và lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, thể dục thể thao;
- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, các khu đô thị và công nghiệp, xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông;
- Xây dựng và lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35KVA, xây dựng và lắp đặt các hệ thống trang thiết bị điện, cấp thoát nước thông dụng;
- Đào đắp đất đá, nề mộc, bê tông sắt thép trong xây dựng;
- Lắp đặt thiết bị: điện nước dân dụng, các sản phẩm cơ khí xây dựng, thang máy, cầu kiện gỗ, sắt thép;
- Xây dựng và cải tạo, nâng cấp nhà ở để bán, cho thuê;
- Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, cầu kiện bê tông, cầu kiện kim loại, cầu kiện gỗ, trang trí nội ngoại thất;
- Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị chuyên ngành xây dựng;

- Tư vấn về đầu tư và xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp, tư vấn quản lý dự án, tư vấn soạn thảo hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu, tư vấn về trang thiết bị trong xây lắp cho chủ đầu tư trong và ngoài nước;
- Tư vấn thiết kế kiến trúc, nội ngoại thất, tổng mặt bằng đối với các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh nhà, khách sạn;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế và dịch vụ khách du lịch;
- Tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành, khai thác khu đô thị mới và nhà chung cư do Công ty quản lý;
- Thi công cấp dự ứng lực và chuyển giao công nghệ thi công bê tông ứng suất trước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. **Mô hình quản trị:** Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

3.2. **Cơ cấu bộ máy quản lý:**



3.3. Các công ty con, công ty liên kết

3.3.1. Công ty con:

a. CTCP Dịch vụ Thương mại và Sàn Bất động sản Handico6

- Tên công ty: CTCP Dịch vụ Thương mại và Sàn Bất động sản Handico6

- Địa chỉ: Tầng 6A, tòa nhà Hỗn hợp, lô đất C1, đường Lê Văn Lương, P.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, Hà Nội
- Điện thoại: 0246.655.3685
- Giấy CNĐKKD số: 0104084452 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 03/08/2009
- Vốn điều lệ đăng ký: 8.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 8.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ góp vốn thực tế tại CTCP Dịch vụ Thương mại và Sàn Bất động sản Handico6: 6.000.000.000 đồng tương đương 75% vốn điều lệ.
- Hoạt động kinh doanh chính:
 - + Kinh doanh bất động sản
 - + Trang trí nội, ngoại thất
 - + Hoạt động tư vấn quản lý

b. CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hạ Long

- Tên công ty: CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hạ Long
- Địa chỉ: Thửa đất KS-E1, khu đô thị mới Vừng Đông, P.Yết Kiêu, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Giấy CNĐKKD số: 5701851456 do Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 02/03/2017
- Vốn điều lệ đăng ký: 100.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 100.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ góp vốn thực tế tại CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hạ Long: 84.000.000.000 đồng tương đương 70% vốn điều lệ.
- Hoạt động kinh doanh chính:
 - + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - + Xây dựng nhà các loại;
 - + Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

c. CTCP Tháp Hoa Kim Cương

- Tên công ty: CTCP Tháp Hoa Kim Cương
 - Địa chỉ: Số 124 Tôn Đức Thắng, P.Quốc Tử Giám, Q.Đống Đa, TP Hà Nội
 - Giấy CNĐKKD số: 0102800372 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 03/07/2008
 - Vốn điều lệ đăng ký: 20.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ thực góp: 499.223.600 đồng
 - Tỷ lệ góp vốn thực tế tại CTCP Tháp Hoa Kim Cương: 499.223.600 đồng tương đương 71,4% vốn điều lệ.
 - Hoạt động kinh doanh chính:
 - + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
 - + Xây dựng nhà các loại
 - + Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- (Ghi chú: Hiện nay đang dừng hoạt động)

3.3.2. Công ty liên kết

a. CTCP Xây lắp Cơ điện HANDICO 6

- Tên công ty: CTCP Xây lắp Cơ điện HANDICO 6

- Địa chỉ: Tầng L1, tòa nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, P.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP Hà Nội
- Giấy CNĐKKD số: 0106144770 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 04/04/2013
- Vốn điều lệ đăng ký: 2.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 2.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ góp vốn thực tế tại CTCP Xây lắp Cơ điện HANDICO 6: 600.000.000 đồng tương đương 30% vốn điều lệ
- Hoạt động kinh doanh chính:
 - + Thương mại và Xây lắp điện nước.

b. CTCP Đầu tư Bất động sản và Cơ sở Hạ tầng Nhân Việt

- Tên công ty: CTCP Đầu tư Bất động sản và Cơ sở Hạ tầng Nhân Việt
- Địa chỉ: Số 17 ngõ Núi Trúc, phố Núi Trúc, P.Kim Mã, Q.Ba Đình, TP Hà Nội
- Giấy CNĐKKD số: 0102223220 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/04/2007
- Vốn điều lệ đăng ký: 1.450.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 1.450.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ góp vốn thực tế tại CTCP Đầu tư BĐS và CSHT Nhân Việt: 4.000.000.000 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính:
 - + Kinh doanh BĐS;
 - + Xây dựng.

4. Định hướng phát triển

4.1. Công tác quản trị, điều hành:

- Dự án E1 Hạ Long đã triển khai thi công xong phần thân thô và đang triển khai phần hoàn thiện, dự kiến hoàn thành bàn giao cho toàn bộ khách hàng trong năm 2022.
- Triển khai nhanh các thủ tục để tham gia đấu thầu Chủ đầu tư dự án tại các tỉnh Quảng Ninh, Bắc Giang, Thừa Thiên – Huế,.

4.2. Chiến lược trung và dài hạn:

- Kiên trì đi theo hướng đầu tư Bất động sản, xây lắp các dự án của Công ty.
- Nâng cao về quy mô, mô hình dịch vụ, quản lý, khai thác và kinh doanh các dự án BĐS sau đầu tư.
- Nghiên cứu và phát triển thêm loại hình BĐS nghỉ dưỡng, khu công nghiệp.
- Từng bước tích lũy vốn và vận dụng dòng tiền để dành một phần đầu tư BĐS cho thuê, kinh doanh nhằm tạo ra nguồn thu ổn định để duy trì các hoạt động của Công ty một cách ổn định.
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để niêm yết Cổ phần Công ty lên sàn chứng khoán nhằm nâng thương hiệu và quy mô hoạt động của Công ty.
- Vấn lấy phương châm “**Tăng trưởng ổn định, phát triển vững chắc**” làm kim chỉ nam cho việc hoạch định đường lối phát triển và sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Các rủi ro

- Dịch COVID – 19 tái phát và phức tạp kéo dài đặc biệt là đợt dịch thứ 4 bắt đầu từ cuối tháng 4 nên đã ảnh hưởng vô cùng lớn tới việc triển khai thực hiện các dự án đặc biệt là vấn đề nhân lực.

- Giá cả vật tư biến động liên tục tăng đặc biệt là giá thép xây dựng nên đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả SXKD của Công ty.
- Các thủ tục pháp lý về đầu tư dự án ngày càng chặt chẽ. Những quy định về giấy phép xây dựng, chứng chỉ hành nghề doanh nghiệp, chứng chỉ hành nghề cá nhân đã, đang gây khó khăn cho việc tham gia thực hiện dự án, dự thầu xây lắp, tìm kiếm công việc.
- Thị trường bất động sản đã, đang xuất hiện rất nhiều những doanh nghiệp lớn, tiềm lực tài chính mạnh tạo ra thị trường cạnh tranh rất quyết liệt.
- Công ty đang trong giai đoạn đầu tư và triển khai thực hiện mở rộng các nhiệm vụ SXKD đã bộc lộ những khiếm khuyết về nguồn nhân lực, thiếu nguồn cán bộ có chất lượng để thực hiện các dự án, công trình.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Tổng doanh thu:	244,478 tỷ đồng
Nộp ngân sách NN:	30,552 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế:	68,262 tỷ đồng
Thu nhập bình quân đầu người: (Kết quả các chỉ tiêu SXKD riêng Công ty mẹ)	12,00 triệu đồng/người/ tháng

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách ban điều hành

1. Tổng Giám đốc: Bế Ngọc Long

Số CMND: 001058012315 do Cục ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp

HKTT: số 17 ngõ 6 Thành Công, Ba Đình, HN

Số CP sở hữu: 131.000 CP

2. Phó Tổng Giám đốc: Hoàng Quế Sơn

Số CMND: 011694800 do Công an HN cấp ngày 29/12/2011

HKTT: Phòng 306, K17 Tập thể Đại học Bách khoa, HN

Số CP sở hữu: 1.355CP

3. Phó Tổng Giám đốc: Ngô Văn Đồng

Số CMND: 034076000783

HKTT: Phòng 2711 tòa Diamond Flower, 48 Lê Văn Lương, TX, HN

- Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc: Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo chế độ lương khoán.

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: Không có thay đổi

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động: Tính đến 31/12/2021 tổng số CBCNV của Công ty là: 40 người.
- Các chính sách và chế độ thực hiện theo đúng quy định của Luật lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Công tác đầu tư phát triển dự án:

- Dự án E1 Hạ Long đã triển khai thi công đồng bộ khối cao tầng, thấp tầng và hạ tầng kỹ thuật đảm bảo tiến độ đáp ứng yêu cầu công tác bán hàng. Kết thúc năm 2021 đã bán 98% căn hộ khối cao tầng và thấp tầng, bàn giao được một số căn Shophouse cho khách hàng.
- Trên cơ sở những thành tựu và kinh nghiệm đầu tư và triển khai dự án E1 – Hạ Long công ty cũng đang xúc tiến các bước tiếp cận nghiên cứu đầu tư các dự án khác ở Quảng Ninh, Phú Yên, Huế, Bắc Giang,...
- Ngoài các dự án mới đầu tư, các dự án cũ của Công ty như Dự án 102 Nguyễn Khuyến, Dự án 76 Nguyễn Chí Thanh, Dự án HH2 Viễn tin,... tiếp tục tháo gỡ các khó khăn về thủ tục pháp lý, về đền bù giải phóng mặt bằng để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư

3.2. Về công tác xây lắp

- Hoàn thành thi công hạng mục ống khói cao 90m Nhà máy Bột giấy VNT19 Quảng Ngãi; Bể nước an toàn 500m³ và 300m³ nhà máy thép Hòa Phát – Dung Quất – Quảng Ngãi. Ban điều hành thi công đang tập trung hoàn thiện hồ sơ Hoàn công, nghiệm thu quyết toán, thanh toán các công trình này.
- Dự án E1 – Hạ Long
 - o Khu cao tầng: Đã thi công xong phần thô, đã tiến hành lắp đặt xong tấm tường ACOTEC, xây xong phần tường bao, hộp kỹ thuật, phần trát ngoài. Đang khẩn trương triển khai thi công hoàn thiện phần trát trong, ốp lát, trần thạch cao, kính,...
 - o Khu thấp tầng: Đã triển khai thi công các căn Shophouse và liên kế, phần đấu hoàn thành bàn giao cho khách hàng vào quý 2/2022.
 - o Hạ tầng giao thông, cấp thoát nước: Đã tiến hành thi công, nghiệm thu giai đoạn 1 bao gồm hệ thống cấp thoát nước, bể và trạm xử lý nước thải, trạm biến áp và máy biến áp dự phòng, hệ thống kết cấu nền đường và thảm bê tông nhựa thô đảm bảo đủ điều kiện để triển khai bàn giao nhà cho khách hàng.
- Gói thầu số 14: Kết cấu nhà hàng, nhà đón tiếp, bể bơi và cổng qua đường dự án: Khu dịch vụ vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng Đầu Rồng tại đảo Cái Chiên đã thi công xong toàn bộ phần kết cấu, hoàn thiện xong 90% khối lượng công việc. Đã làm hồ sơ nghiệm thu thanh toán giai đoạn.
- Ngoài ra Công ty tập trung quyết toán và thanh toán một số công trình tồn tại từ như Bắc Phú Cát, gói thầu số 2 Cát Linh – La Thành, Hạ tầng Bắc Rạch Chiếc, công trình CT2D, CT1A-B.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2021 (ĐVT: triệu đồng)	Năm 2020 (ĐVT: triệu đồng)	% tăng giảm so với năm trước
Tổng giá trị tài sản	639.215	571.101	111.92%
Doanh thu thuần	244.478	78.377	311.92%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	63.197	6.898	916.16%
Lợi nhuận khác	5.064	1.307	387.45%
Lợi nhuận trước thuế	68.262	8.206	831.854%
Lợi nhuận sau thuế	66.589	6.041	1,102.28%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Ghi chú
----------	----------	----------	---------

1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1.07 0.89	1.02 0.78	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.67 2.03	0.71 2.48	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân Doanh thu thuần/Tổng tài sản	4.36 0.38	1.1 0.13	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.27 0.32 0.10 0.25	0.07 0.04 0.01 0.088	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Vốn điều lệ	144.000.000.000 đồng
Mệnh giá 1 cổ phiếu	10.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.400.000 CP
Cổ phiếu quỹ	0CP

b. Cơ cấu cổ đông tại ngày 05/01/2022 (ngày chốt chia cổ tức năm 2020)

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần năm giữ	Tổng giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
I. Trong nước				
1. Bộ xây dựng	0	0	0	0
2. Tổ chức trong nước khác	2	2.905.205	29.052.050.000	20,18%
3. Cá nhân trong nước	1.070	11.494.795	114.947.950.000	79,82%
II. Nước ngoài				
1. Tổ chức nước ngoài	0	0	0	0
2. Cá nhân nước ngoài	0	0	0	0
Tổng cộng:	1.072	14.400.000	144.000.000.000	100%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Năm 2021, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội không có sự thay đổi vốn điều lệ.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Năm 2021, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội không có giao dịch cổ phiếu quỹ

e. Các chứng khoán khác

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

- Trong năm 2021 đảm bảo tuyệt đối công tác an toàn vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ trên toàn Công ty từ công tác quản lý vận hành các tòa nhà đến tổ chức thi công tại công trình.
- Trong năm qua công tác quản lý vật tư thiết bị, công cụ dụng cụ ... đã được kiện toàn và nâng lên một bước, từ khâu kiểm kê thực tế đến duy tu bảo dưỡng, quản lý, vận hành khai thác có hiệu quả.
- Việc thanh lý thiết bị, tài sản, công cụ dụng cụ ... đều được tiến hành theo đúng quy định
- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
- Chính sách liên quan đến người lao động
 - o Số lượng lao động, mức lương khá
 - o Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi của người lao động: Công tác chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên được lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm, chế độ lương thưởng đúng hạn, chế độ ốm đau, thai sản, hiếu hỷ, quỹ tương thân tương ái, nghỉ mát, phần thưởng cho các cháu học giỏi, đỗ đại học đều được thực hiện bài bản và được sự đón nhận của mọi người hết sức chân thành, cảm động.
 - o Các tổ chức Đảng và Công đoàn, đoàn thanh niên hoạt động khá sôi nổi đáp ứng được yêu cầu của Công ty đề ra.
 - o Công ty vẫn duy trì được thương hiệu và hiện tại có nhiều đối tác, khách hàng ... muốn cùng phối hợp với nhiều hình thức khác nhau để tập hợp sức mạnh phục vụ cho phát triển sản xuất kinh doanh.
- Hoạt động đào tạo người lao động
- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương
- Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của BGD

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Báo cáo kết quả hoạt động SXKD riêng của Công ty mẹ

Tổng doanh thu: 244,478 tỷ đồng

Trong đó: + Doanh thu đầu tư dự án:

28,892 tỷ đồng

+ Doanh thu xây lắp:

215,585 tỷ đồng

Nộp ngân sách NN:

30,552 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế:

68,262 tỷ đồng

Thu nhập bình quân đầu người:

12,00 triệu đồng/người/ tháng

2. Tình hình tài chính

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra rất phức tạp, Ban lãnh đạo Công ty đã quyết liệt chỉ đạo thực hiện lành mạnh hóa tài chính tại công ty mẹ và các đơn vị thành viên trên cơ sở xây dựng lộ trình

và kiểm soát chặt chẽ hàng tồn, dư nợ phải thu, thu hồi vốn tồn đọng ở các dự án và công trình nhận thầu.

Quản lý chặt chẽ doanh thu, chi phí và cùng các phòng ban liên quan quyết toán các công trình dự án, các nhà thầu ...

Thường xuyên kiểm kê, đối chiếu công nợ định kỳ để ngừa thất thoát có thể xảy ra.

Tình hình tài sản: Tổng tài sản của Công ty mẹ: 639,215 tỷ đồng

Nợ phải trả: 428,445 tỷ đồng;

Hệ số nợ = Nợ phải trả/Tổng tài sản = 0,67

Toàn bộ các khoản nợ phải trả gồm: Các khoản vay ngắn hạn, vay dài hạn.

3. Kế hoạch trong tương lai:

- Tiếp tục đầu tư dự án kinh doanh bất động sản, tham gia đấu giá đấu thầu các dự án phù hợp với năng lực của Công ty.
- Khai thác và phát triển mảng dịch vụ quản lý nhà và dịch vụ tài sản cho thuê.
- Đẩy mạnh và phát triển công tác thi công xây lắp,...

IV. Đánh giá của HĐQT

Trong năm 2021, HĐQT đã hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ, vượt qua khó khăn thách thức và góp phần đạt kết quả kế hoạch mà ĐHCĐ đề ra. Các nội dung thuộc trách nhiệm và thẩm quyền HĐQT về quản trị, quản trị rủi ro, tuân thủ, kiểm toán giám sát chiến lược, nhân sự và lương thưởng đã được thực thi nghiêm túc. Các ý kiến đề xuất nâng cao hiệu quả kèm theo các ý kiến đánh giá đều được ghi nhận và triển khai tổ chức thực hiện trong năm 2021. Về cá nhân, hầu hết các thành viên HĐQT được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, chủ động và tích cực trong việc thực thi trách nhiệm bộ phận của mình.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên, cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Họ và Tên	Chức danh trong HĐQT	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 25/09/2020)	Ngày bổ nhiệm
1	Lê Quốc Bình	Chủ tịch HĐQT	Cá nhân : 3.412.392CP, tỷ lệ 23,69%	07/2005– nay
2	Bé Ngọc Long	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	Cá nhân : 131.000CP, tỷ lệ 0,9 %	07/2020 – nay
3	Hoàng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 0 CP , tỷ lệ 0%	07/2020 – nay
4	Vũ Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 459.558 CP , tỷ lệ 3,19%	29/04/2008– nay
5	Phạm Ngọc Chiến	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 332.768 CP , tỷ lệ 2,3%	07/2015– nay

1.2. Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- HĐQT phân công trách nhiệm cho từng thành viên để chủ động thực hiện theo dõi, giám sát, đánh giá hoạt động của Ban TGD.

- HĐQT định kỳ tổ chức các cuộc họp xem xét đánh giá kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu năm đã được ĐHCĐ phê duyệt.
- HĐQT tổ chức các cuộc họp, xin ý kiến các thành viên HĐQT đối với các đề xuất của Ban Tổng giám đốc thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý có liên quan.
- HĐQT tổ chức các chuyến công tác, thị sát thực tế tình hình triển khai công việc tại các công trình, dự án lớn qua đó đánh giá kết quả thực hiện và thống nhất các giải pháp hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ.

1.4. Hoạt động của các Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng BKS	07/2015 đến nay	Thạc sỹ QTNL
2	Phan Thị Kim Dung	Thành viên BKS	06/2020 đến nay	Cử nhân kinh tế
3	Phạm Anh Tú	Thành viên BKS	07/2010 đến nay	Kỹ sư

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Theo dõi, cập nhật tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu theo nghị quyết ĐHCĐ thường niên.
- Theo dõi, cập nhật tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban Tổng giám đốc.
- Theo dõi, đánh giá việc tuân thủ các quy định tại điều lệ công ty, luật doanh nghiệp của HĐQT, Ban TGD.

2.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD, BKS

- Lương thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:
 - o Lương thưởng và thù lao được hưởng năm 2021:

Họ và tên	Chức vụ	Số tiền
Ông Lê Quốc Bình	Chủ tịch HĐQT, điều hành	575.850.000 đ
Ông Bê Ngọc Long	Tổng GD – Thành viên HĐQT điều hành	463.930.000 đ
Ông Vũ Tuấn Anh	Thành viên HĐQT, không điều hành	31.680.000 đ
Ông Phạm Ngọc Chiến	Thành viên HĐQT, không điều hành	31.680.000 đ
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT, không điều hành	31.680.000 đ
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng BKS	25.344.000 đ
Ông Phạm Anh Tú	Thành viên BKS	262.932.000 đ
Bà Phan Thị Kim Dung	Thành viên BKS	151.522.272 đ
Ông Hoàng Quế Sơn	Phó TGD	347.360.000 đ
Ông Ngô Văn Đông	Phó TGD	279.001.048 đ

- o Các lợi ích khác: Các thành viên trong HĐQT, BGD, BKS được hưởng quyền lợi theo quy định của Luật lao động.
- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)	
1	Lê Quốc Bình	CT.HQĐT	2.786.662	19.35	3.412.392	23.7	Mua CP

2	Bế Ngọc Long	TGD	81.000	0.56	131.000	0.91	Mua CP
3	Phạm Ngọc Chiến	TV. HDQT	351.068	2.44	332.768	2.31	Bán CP
4	Dương Thị Thái Hương	KTT	0	0	30.000	0.21	Mua CP
			30.000	0.21	13.500	0.09	Bán CP
5	Nguyễn Thị Thu Hiền	T.BKS	46.709	0.32	28.909	0.2	Bán CP
6	Phạm Thị Kim Dung	TV.BKS	18.759	0.13	10.259	0.07	Bán CP
7	Phạm Anh Tú	TV.BKS	5.256	0.04	3.256	0.02	Bán CP

- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

VI. Báo cáo tài chính

- Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.
- Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.
 - Đã được gửi cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, cổng thông tin điện tử của UBCK Nhà nước và trên website Công ty ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội tại địa chỉ : <https://www.handico6.com.vn>

Trong đó:

2.1. Báo cáo tài chính riêng rút gọn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021:

a. Bảng cân đối kế toán riêng:

Chỉ tiêu	ĐVT: đồng	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN		
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	320.851.055.971	262.626.674.789
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4.138.874.817	3.292.047.797
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	254.721.624.788	191.949.474.875
IV. Hàng tồn kho	52.814.533.337	62.528.337.449
V. Tài sản ngắn hạn khác	3.176.023.029	4.856.814.668
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	318.364.082.437	308.474.842.325
I. Các khoản phải thu dài hạn		-
II. Tài sản cố định	2.623.790.431	4.434.642.123
III. Bất động sản đầu tư	1.622.567.454	1.622.567.454
IV. Tài sản dở dang dài hạn	217.591.480.151	203.583.463.693
V. Đầu tư tài chính dài hạn	95.099.223.600	96.399.223.600
VI. Tài sản dài hạn khác	1.427.020.801	2.434.945.455
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	639.215.138.408	571.101.517.114
C. NỢ PHẢI TRẢ	428.445.674.749	407.194.309.089
I. Nợ ngắn hạn	299.040.955.408	256.545.443.686
II. Nợ dài hạn	129.404.719.341	150.648.865.403
D-VỐN CHỦ SỞ HỮU	210.769.463.659	163.907.208.025
I. Vốn chủ sở hữu	210.769.463.659	163.907.208.025
1. Vốn góp của chủ sở hữu	144.000.000.000	144.000.000.000

2. Thặng dư vốn cổ phần	1.303.275.917	1.303.275.917
3. Quỹ đầu tư phát triển	8.602.609.274	16.343.668.444
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	55.440.402.180	837.087.376
5. Nguồn vốn đầu tư XDCB	1.423.176.288	1.423.176.288
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	639.215.138.408	571.101.517.114

b. Báo cáo kết quả kinh doanh riêng

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	244.478.004.333	78.377.321.846
2. Giá vốn hàng bán	230.275.978.744	68.508.309.417
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	14.202.025.589	9.869.012.429
4. Doanh thu hoạt động tài chính	62.669.706.876	12.076.547.845
5. Chi phí tài chính	5.460.211.082	4.836.769.356
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.213.933.417	10.210.504.906
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	63.197.587.966	6.898.286.012
8. Thu nhập khác	7.555.307.825	19.751.735.186
9. Chi phí khác	2.490.339.880	18.443.822.387
10. Lợi nhuận khác	5.064.967.945	1.307.912.799
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	68.262.555.911	8.206.198.811
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.673.147.614	2.164.781.759
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	66.589.408.297	6.041.417.052

c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	68.262.555.911	8.206.198.811
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	1.810.851.692	1.987.103.664
- Các khoản dự phòng	(1.800.000.000)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(64.977.569.104)	(12.076.547.845)
- Chi phí lãi vay	6.960.211.082	4.836.769.356
- Các khoản điều chỉnh khác		-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	10.256.049.581	2.953.523.986
- Tăng, giảm các khoản phải thu	1.869.561.827	(8.473.864.476)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	9.713.804.112	3.001.805.750
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	110.562.012.351	7.296.036.721
- Tăng, giảm chi phí trả trước	1.007.924.654	(2.434.945.455)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-
- Tiền lãi vay đã trả	(6.960.211.082)	(4.836.769.356)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(36.614.910)	-

- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.092.435.000)	(1.818.850.796)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	125.320.091.533	(4.313.063.626)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.642.838.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	2.607.862.228	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(7.830.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(550.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.800.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.538.786.775	12.076.547.845
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(883.350.997)	7.883.709.481
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-
3. Tiền thu từ đi vay	49.036.374.284	86.049.140.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(150.792.645.000)	(76.395.193.500)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(21.823.642.800)	(18.205.674.480)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(123.589.913.516)	(8.551.727.980)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	846.827.020	(4.981.082.125)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3.292.047.797	8.273.129.922
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	4.138.874.817	3.292.047.797

2.2. Báo cáo tài chính hợp nhất rút gọn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021:

a. Bảng cân đối kế toán hợp nhất:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN		
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	687.259.983.037	485.682.148.727
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	17.290.225.570	67.118.860.518
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	199.000.000.000	25.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	350.884.926.080	312.637.195.025
IV. Hàng tồn kho	53.658.271.252	63.609.638.834
V. Tài sản ngắn hạn khác	66.426.560.135	17.316.454.350
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	687.864.470.266	413.080.662.239
I. Các khoản phải thu dài hạn	10.200.000.000	20.928.000.000
II. Tài sản cố định	2.652.765.431	4.489.483.793
III. Bất động sản đầu tư	8.693.194.586	9.025.929.980
IV. Tài sản dở dang dài hạn	650.444.982.425	358.976.443.032
V. Đầu tư tài chính dài hạn	4.600.000.000	5.600.000.000

VI. Tài sản dài hạn khác	11.273.527.824	14.060.805.434
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.375.124.453.303	898.762.810.966
NGUỒN VỐN		
C. NỢ PHẢI TRẢ	1.118.481.392.316	703.685.187.776
I. Nợ ngắn hạn	934.918.171.067	318.534.712.411
II. Nợ dài hạn	183.563.221.249	385.150.475.365
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	256.643.060.987	195.077.623.190
I. Vốn chủ sở hữu	256.643.060.987	195.077.623.190
1. Vốn góp của chủ sở hữu	144.000.000.000	144.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	1.303.275.917	1.303.275.917
3. Quỹ đầu tư phát triển	10.369.431.433	18.110.490.603
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.535.326.407	1.386.356.441
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	46.288.630.717	65.217.689
6. Nguồn vốn đầu tư XDCB	1.423.176.288	1.423.176.288
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	51.723.220.225	28.789.106.252
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.375.124.453.303	898.762.810.966

b. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất:

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	440.185.487.797	41.161.047.059
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	440.185.487.797	141.161.047.059
4. Giá vốn hàng bán	312.238.482.547	110.742.857.647
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	127.947.005.250	30.418.189.412
6. Doanh thu hoạt động tài chính	8.277.446.467	1.498.248.781
7. Chi phí tài chính	16.259.143.522	5.971.055.603
- Trong đó: Chi phí lãi vay	17.759.143.522	5.971.055.603
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1.800.000.000
9. Chi phí bán hàng	2.162.975.400	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.849.368.629	18.912.735.313
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22) + 24 - (25+26)}	95.952.964.166	8.832.647.277
12. Thu nhập khác	9.294.964.841	19.751.735.186
13. Chi phí khác	2.727.393.991	18.493.688.913
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	6.567.570.850	1.258.046.273
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	102.520.535.016	10.090.693.550
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.376.914.522	4.236.254.812
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		360.000.000
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-17-16)	81.143.620.494	5.494.438.738
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	58.209.506.521	2.623.985.842
20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	22.934.113.973	2.870.452.895
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	3.635,9	85,59
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)		-

c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (PPGT):

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	-	-
1. Lợi nhuận trước thuế	102.520.535.016	10.090.693.550
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2.169.453.757	2.447.765.701
- Các khoản dự phòng	(3.578.588.649)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(11.234.288.421)	(1.498.248.781)
- Chi phí lãi vay	17.759.143.522	5.971.055.603
- Các khoản điều chỉnh khác		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	107.636.255.225	17.011.266.073
- Tăng, giảm các khoản phải thu	(129.874.161.506)	(113.519.302.226)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	9.951.367.582	2.533.040.949
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	571.883.848.771	131.414.730.110
- Tăng, giảm chi phí trả trước	(40.677.131.898)	(16.075.406.067)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-
- Tiền lãi vay đã trả	(18.266.838.316)	(5.971.055.603)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(5.854.607.242)	(4.125.347.533)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(2.470.685.000)	(3.712.249.996)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	492.328.047.616	7.555.675.706
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(291.468.539.394)	(40.535.004.704)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	2.607.862.228	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(271.330.000.000)	(23.300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	155.448.000.000	552.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(550.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.800.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	8.626.426.193	1.498.248.781
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(393.316.250.973)	(62.334.755.923)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	132.707.618.534	166.721.748.936
4. Tiền trả nợ gốc vay	(250.147.099.500)	(60.995.193.500)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		-

6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(31.400.950.625)	(17.514.823.980)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(148.840.431.591)	88.211.731.456
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	(49.828.634.948)	33.432.651.239
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	67.118.860.518	33.686.209.279
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	17.290.225.570	67.118.860.518

CÔNG TY CP ĐT & PT NHÀ SỐ 6 HN



CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Quốc Bình